

BẢNG ĐIỂM (LẦN 1)

LỚP: CD CK 22C
MÔN: QUẢN TRỊ SẢN XUẤT
GV: PHẠM LÊ HẠNH NGUYỄN

HỌC KỲ: 5
SỐ TIẾT: 27
LOẠI: LT

SỐ TC: 2

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	CHUYÊN CẦN	ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI L1	TỔNG KẾT L1	GHI CHÚ
1	0301211200	Nguyễn Văn	Điền	14/12/2003	10.0	3.9	4.8	5.0	
2	0301211218	Bùi Văn	Hùng	01/01/2003	7.0	3.6	2.8	3.5	
3	0301211219	Nguyễn Phi	Hùng	10/11/2003	10.0	7.7	4.5	6.3	
4	0301211224	Lê Duy	Khang	04/07/2002	10.0	3.6	2.3	3.6	
5	0301211251	Bùi Trọng	Phúc	30/01/2003	10.0	5.8	4.0	5.3	
6	0301211274	Lê Tấn	Triệu	26/02/2003	10.0	7.5	5.8	6.9	
7	0301211278	Trần Nguyễn Đăng	Trường	11/06/2003	10.0	5.9	2.0	4.4	
8	0301221186	La Gia	Bảo	15/08/2004	10.0	10.0	8.3	9.2	
9	0301221187	Nguyễn Vạn	Bá	07/09/1999	7.0	7.1	7.0	7.0	
10	0301221189	Lê Văn	Chiến	07/03/2002	10.0	8.8	7.5	8.3	
11	0301221190	Trần Minh	Chiến	16/05/2004	10.0	7.4	7.5	7.7	
12	0301221191	Lê Thị	Cúc	06/07/2003	4.0	2.7	5.3	4.1	
13	0301221192	Phạm Phi	Du	03/09/2004	10.0	9.2	4.5	6.9	
14	0301221193	Trần Nguyễn Anh	Duy	15/07/2004	10.0	8.8	4.8	6.9	
15	0301221194	Hoàng Anh	Dũng	22/05/2004	10.0	5.5	4.5	5.5	
16	0301221198	Lê Lâm Thành	Được	09/06/2004	10.0	7.7	4.5	6.3	
17	0301221200	Hồ Nhật	Hào	09/02/2004	10.0	7.6	7.5	7.8	
18	0301221206	Trần Văn	Hiếu	11/10/2004	10.0	9.4	8.0	8.8	
19	0301221207	Trần Phi	Hoàng	01/12/2004	10.0	10.0	9.0	9.5	
20	0301221209	Nguyễn Khắc	Huy	25/07/2004	7.0	6.0	5.8	6.0	
21	0301221212	Trần Tuấn	Khanh	23/11/2004	10.0	6.1	4.5	5.7	
22	0301221213	Lê Quốc	Khải	31/08/2004	10.0	8.3	4.8	6.7	
23	0301221214	Nguyễn Quốc	Khâm	24/07/2003	10.0	8.3	7.3	8.0	
24	0301221215	Cao Anh	Khoa	02/09/2004	10.0	10.0	9.8	9.9	
25	0301221217	Trần Minh	Khoa	02/12/2004	10.0	8.3	6.5	7.6	
26	0301221218	Lê Huỳnh	Khôi	29/09/2004	10.0	10.0	10.0	10.0	
27	0301221220	Nguyễn Tuấn	Kiệt	06/01/2004	10.0	7.6	6.0	7.0	
28	0301221221	Phạm Tuấn	Kiệt	21/06/2004	10.0	9.0	7.8	8.5	
29	0301221225	Nguyễn Hữu	Lộc	06/06/2004	10.0	7.2	4.8	6.3	
30	0301221226	Lê Vũ	Luân	01/10/2004	10.0	5.8	6.0	6.3	
31	0301221227	Phạm Thế	Luân	27/02/2004	10.0	4.1	6.0	5.6	
32	0301221228	Trần Huỳnh Đức	Luân	11/05/2004	10.0	7.5	7.0	7.5	
33	0301221229	Phạm Công	Lý	06/02/2004	10.0	6.5	6.0	6.6	

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	CHUYÊN CẦN	ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI L1	TỔNG KẾT L1	GHI CHÚ
34	0301221234	Nguyễn Đình Hữu	Nghiệp	25/03/2004	10.0	7.8	5.5	6.9	
35	0301221236	Nguyễn Thành	Nhân	10/04/2004	10.0	7.4	5.5	6.7	
36	0301221238	Huỳnh Quốc	Pháp	19/04/2004	10.0	8.5	6.5	7.7	
37	0301221239	Lưu Trường	Phát	14/02/2004	10.0	8.0	6.8	7.6	
38	0301221241	Nguyễn Hoàng Thiên	Phi	14/10/2004	10.0	6.9	8.0	7.8	
39	0301221242	Trần Kiều	Phong	26/10/2004	10.0	5.6	7.3	6.9	
40	0301221243	Mai Văn	Phúc	12/01/2004	10.0	8.3	7.3	8.0	
41	0301221244	Nguyễn Minh	Phúc	07/01/2004	10.0	7.1	6.5	7.1	
42	0301221247	Võ Ngọc	Quang	10/03/2004	7.0	6.1	7.0	6.6	
43	0301221248	Lê Minh	Quân	02/01/2004	10.0	6.7	6.3	6.8	
44	0301221249	Nguyễn Hữu	Quân	19/01/2004	10.0	7.6	7.3	7.7	
45	0301221250	Võ Quốc	Quân	09/08/2004	10.0	5.7	3.5	5.0	
46	0301221254	Nguyễn Minh	Tâm	12/01/2004	10.0	9.3	8.0	8.7	
47	0301221255	Phạm Thanh	Tâm	11/04/2004	10.0	7.9	3.5	5.9	
48	0301221258	Võ Tấn	Thịnh	30/09/2004	10.0	8.0	6.0	7.2	
49	0301221259	Nguyễn Minh	Thuận	28/04/2004	4.0	2.5	7.3	5.1	
50	0301221261	Trần Văn	Tiến	11/08/2004	10.0	8.8	8.0	8.5	
51	0301221264	Trần Thánh	Tôn	22/01/2004	10.0	5.5	4.0	5.2	
52	0301221266	Trần Nhựt	Trí	14/08/2004	10.0	6.4	6.5	6.8	
53	0301221270	Hà Thanh	Tùng	08/02/2004	4.0	5.7	4.0	4.7	
54	0301221271	Hoàng Đình	Tú	20/10/2004	10.0	8.2	8.3	8.4	
55	0301221275	Nguyễn Trường	Vũ	15/01/2004	10.0	7.4	8.0	8.0	

Thông kê	Tổng	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Số lượng (Tỉ lệ)	55(100%)	4(7.3%)	9(16.4%)	12(21.8%)	16(29.1%)	9(16.4%)	5(9.1%)	0(0%)

BỘ MÔN KINH TẾ

Ngày 10 tháng 12 năm 2024

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

PHẠM LÊ HẠNH NGUYỄN